

Báo cáo thị trường tiền tệ

Ngân hàng Nhà nước thận trọng trước các sự kiện bất định

NHNN bơm thanh khoản khiêm tốn

Trong tuần 44, NHNN đã bơm một lượng thanh khoản khiêm tốn vào hệ thống ngân hàng trong khi tỷ giá hối đoái hạ nhiệt. Cụ thể, NHNN đã phát hành 23.55 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu, trong khi 4.40 nghìn tỷ đồng đến hạn, dẫn đến việc rút ròng 19.15 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, SBV đã phát hành mới 34.00 nghìn tỷ đồng giá trị hợp đồng mua lại kỳ hạn trong khi giá trị 13.01 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại kỳ hạn đến hạn, dẫn đến việc bơm ròng 20.99 nghìn tỷ đồng. Tổng cộng, SBV đã bơm 1.84 nghìn tỷ đồng thanh khoản vào hệ thống ngân hàng.

Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

Trong tuần 44, lãi suất liên ngân hàng phân hóa ở tất cả các kỳ hạn, với mức tăng mạnh hơn ở các kỳ hạn dài. Cụ thể, lãi suất qua đêm và kỳ hạn 3 tháng không đổi, lần lượt ở mức 3.60% và 4.00%; lãi suất kỳ hạn 1 tuần tăng 8đcb lên 3.75%; lãi suất kỳ hạn 2 tuần, 1 tháng và 6 tháng lần lượt giảm 20đcb, 7đcb và 20đcb, đạt mức 3.60%, 3.80% và 4.40%. Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày tăng 20.74% so với tuần trước, đạt 401.70 nghìn tỷ đồng.

USDVND hạ nhiệt

Trong tuần, USDVND đã giảm sau sáu tuần tăng liên tiếp, chủ yếu đến từ đà tăng của chỉ số DXY đang chậm lại. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.30% hay 76đcb so với tuần trước, đạt 25,300 vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, DXY tăng nhẹ 0.02% lên mức 104.3 vào cuối tuần, khi các tin tức trong tuần không đủ mạnh để hỗ trợ tâm lý lạc quan về kinh tế Mỹ, điều đã thúc đẩy giá trị của đồng bạc xanh trong thời gian gần đây. Thay vào đó, tâm lý thận trọng đã xuất hiện, khi những sự kiện quan trọng trong tuần tới, bao gồm quyết định lãi suất của Fed và căng thẳng giữa Donald Trump và Kamala Harris trong cuộc bầu cử cho tân Tổng thống Hoa Kỳ được dự báo sẽ có tác động đáng kể đến thị trường toàn cầu.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T4/24	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	Corr. ¹
FDI %n/n	8.1	9.4	9.4	9.5	5.3	13.2	-0.17
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.6	8.9	8.9	8.6	8.4	7.6	-0.20
Xuất khẩu %n/n	11.0	14.6	13.1	20.2	14.5	11.0	-0.16
Nhập khẩu %n/n	18.8	25.7	14.7	25.0	12.4	11.5	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	1.4	-0.5	3.2	2.0	4.5	2.3	-0.10
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.07	0.05	0.17	0.48	0.00	0.29	-0.08
Tín dụng %n/n	12.7	14.0	15.3	15.1	14.9	14.6	-0.23
USDVND %t/t	2.19	0.45	0.02	-0.81	-1.48	-1.24	-0.40
PMI(Điểm)	50.3	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3	-0.24
VNINDEX %t/t	-5.8	4.8	-1.2	0.7	2.6	0.8	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN bơm thanh khoản khiêm tốn	1
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ	3
III. Lãi suất trái phiếu Chính phủ không đổi	4
IV. USDVND hạ nhiệt.....	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

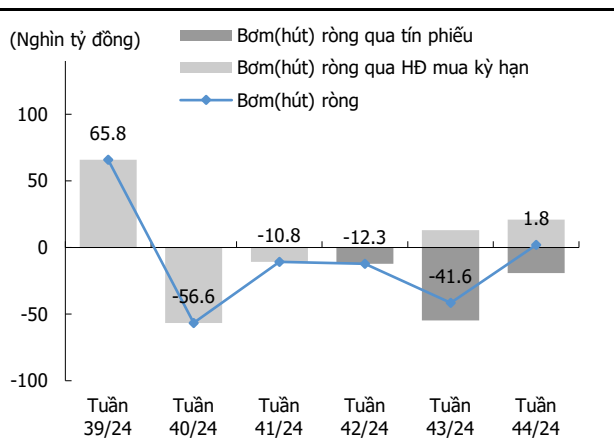
I. NHNN bơm thanh khoản khiêm tốn

NHNN bơm thanh khoản

Trong tuần 44, NHNN đã bơm một lượng thanh khoản khiêm tốn vào hệ thống ngân hàng trong khi tỷ giá hối đoái hạ nhiệt. Cụ thể, NHNN đã phát hành 23.55 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu, trong khi 4.40 nghìn tỷ đồng đến hạn, dẫn đến việc rút ròng 19.15 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, SBV đã phát hành mới 34.00 nghìn tỷ đồng giá trị hợp đồng mua lại kỳ hạn trong khi giá trị 13.01 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại kỳ hạn đến hạn, dẫn đến việc bơm ròng 20.99 nghìn tỷ đồng. Tổng cộng, SBV đã bơm 1.84 nghìn tỷ đồng thanh khoản vào hệ thống ngân hàng.

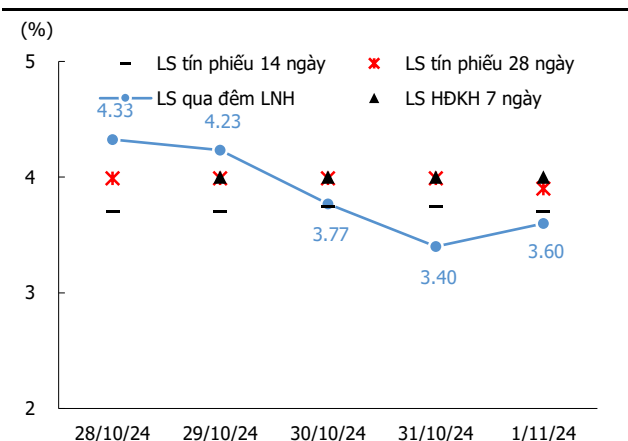
Trong tuần, tỷ giá hối đoái đã giảm nhẹ sau khi bốn tuần tăng liên tiếp. Bên cạnh việc phát hành một lượng lớn tín phiếu, SBV vẫn thận trọng theo dõi biến động của chỉ số DXY khi cuộc bầu cử ở Mỹ đang đến gần, với lãi suất tín phiếu kỳ hạn 28 ngày giảm nhẹ 10 điểm cơ bản xuống còn 3.90%, trong khi lãi suất tín phiếu kỳ hạn 14 ngày tăng 10 điểm cơ bản lên 3.70%. Cách tiếp cận này phản ánh kỳ vọng về việc Fed cắt giảm lãi suất thêm 50 điểm cơ bản trong hai cuộc họp FOMC cuối cùng của năm, điều này có thể tiếp tục củng cố nỗ lực của NHNN nhằm ổn định tỷ giá hối đoái và thúc đẩy sự ổn định kinh tế trong thời gian tới.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành tín phiếu kỳ hạn 14 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
28/10/24	11/11/24	14	0.60	3.70
29/10/24	12/11/24	14	2.40	3.70
30/10/24	13/11/24	14	5.30	3.75
31/10/24	14/11/24	14	6.30	3.75
01/11/24	15/11/24	14	1.00	3.70
Tổng		14	15.60	

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin về phát hành tín phiếu kỳ hạn 28 ngày

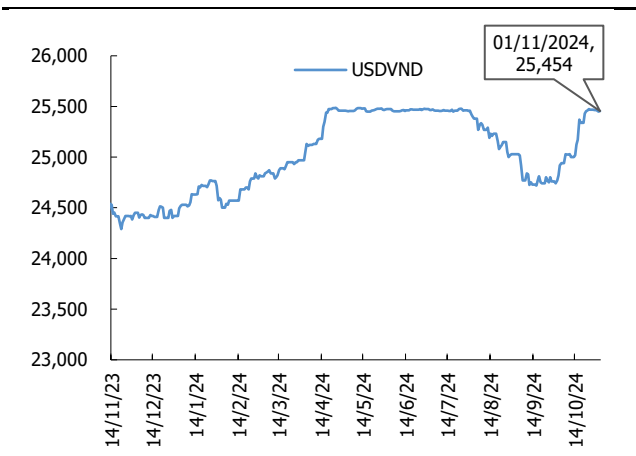
Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
28/10/24	25/11/24	28	0.20	3.99
29/10/24	26/11/24	28	1.20	3.99
30/10/24	27/11/24	28	0.20	3.99
31/10/24	28/11/24	28	6.05	3.99
01/11/24	29/11/24	28	0.30	3.90
Tổng		28	7.95	

Nguồn: NHNN, KIS

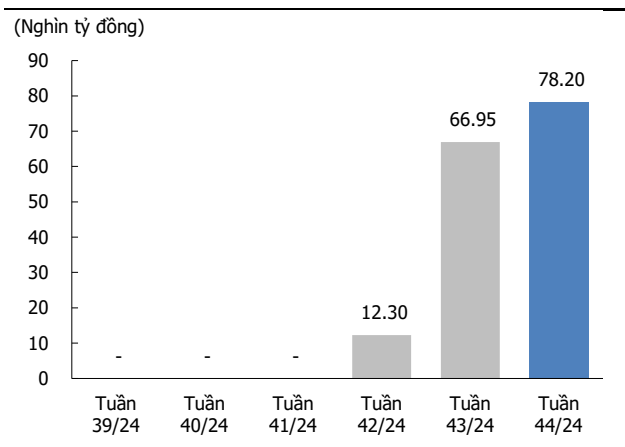
Hình 5. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất trung thầu(%)
28/10/24	4/11/24	7	10.00	4.00
29/10/24	5/11/24	7	15.00	4.00
30/10/24	6/11/24	7	3.00	4.00
31/10/24	7/11/24	7	3.00	4.00
1/11/24	8/11/24	7	3.00	4.00
Tổng		7	34.00	4.00

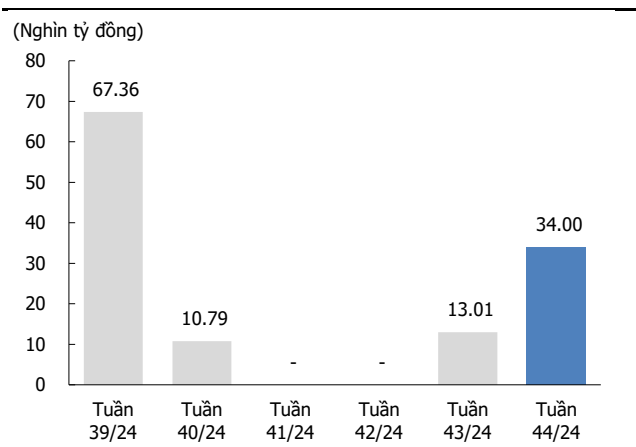
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Liên ngân hàng: diễn biến USDVND

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Tín phiếu đang lưu hành

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 8. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành

Nguồn: NHNN, KIS

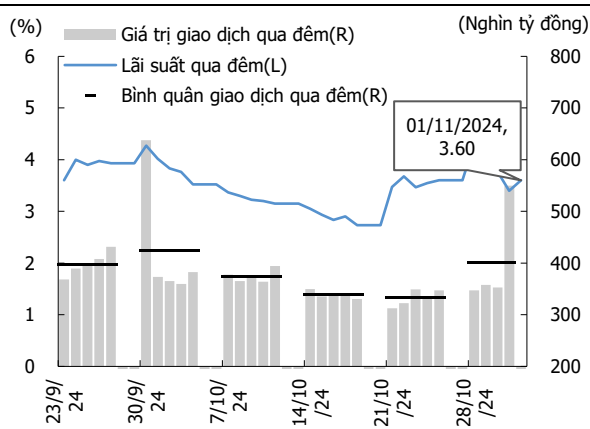
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng phân hóa

Trong tuần 44, lãi suất liên ngân hàng phân hóa ở tất cả các kỳ hạn, với mức tăng mạnh hơn ở các kỳ hạn dài. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON) và kỳ hạn 3 tháng (3M) không đổi, lần lượt ở mức 3.60% và 4.00%; lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) tăng 8đcb lên 3.75%; lãi suất kỳ hạn 2 tuần (2W), 1 tháng (1M), 6 tháng (6M) và 9 tháng (9M) lần lượt giảm 20đcb, 7đcb, 20đcb và 25đcb, đạt mức 3.60%, 3.80%, 4.40% và 4.60%. Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày tăng 20.74% so với tuần trước, đạt 401.70 nghìn tỷ đồng.

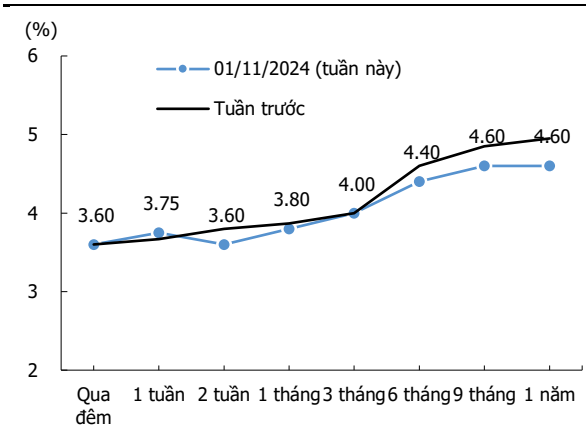
Tuần này lãi suất liên ngân hàng biến động đa dạng sau khi NHNN rút thanh khoản bốn tuần liên tiếp. Điều này cho thấy áp lực thanh khoản đang gia tăng trong hệ thống ngân hàng, bên cạnh đó NHNN còn thường xuyên phát hành tín phiếu để quản lý thanh khoản. Do đó, chúng tôi dự đoán rằng đường cong lãi suất liên ngân hàng sẽ tiếp tục thay đổi tùy thuộc vào động thái tiếp theo của NHNN hay bởi các diễn biến quan trọng ở Mỹ và tác động của chúng đến tỷ giá hối đoái.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



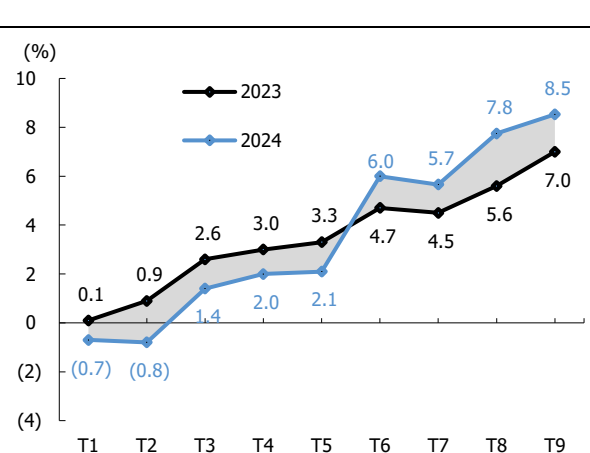
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



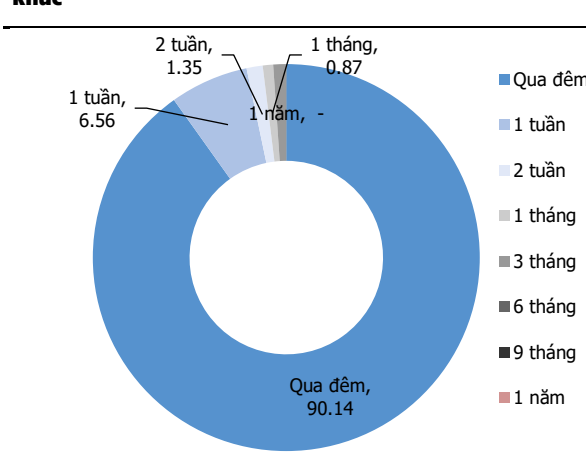
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
Ghi chú: Cập nhật đến ngày 27 tháng 9 năm 2024

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



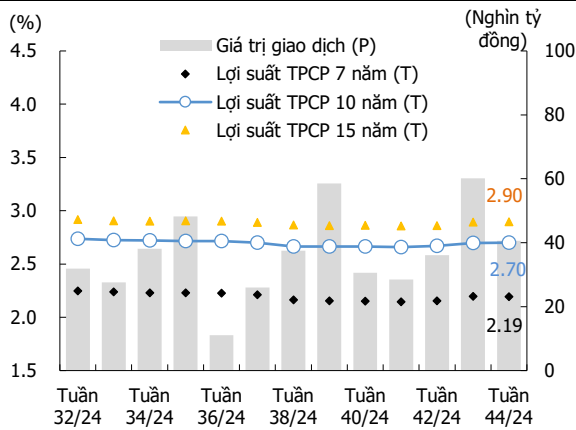
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lãi suất trái phiếu Chính phủ không đổi

Lãi suất trái phiếu Chính phủ tăng nhẹ

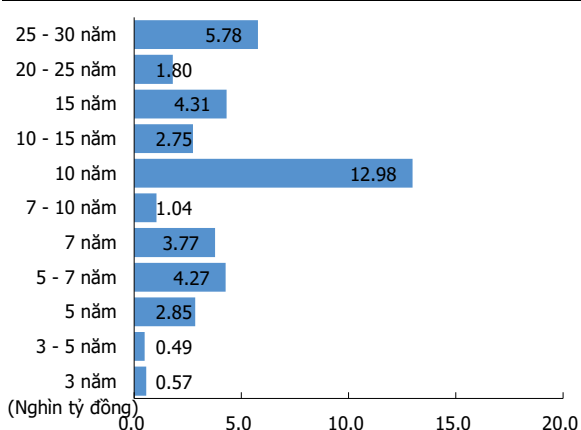
Trong tuần, lãi suất trái phiếu Chính phủ (TPCP) không có sự thay đổi so với tuần trước đó, trong khi giá trị giao dịch giảm mạnh. Cụ thể, tổng giá trị giao dịch đạt 40.62 nghìn tỷ đồng, với bình quân mỗi ngày giao dịch là 8.12 nghìn tỷ, ghi nhận mức giảm đáng kể 32.43% so với tuần trước. Nhìn chung, nhu cầu giảm mạnh trong tuần đã cho thấy sự thận trọng từ nhà đầu tư về thị trường trước các sự kiện quan trọng trong tuần tiếp theo.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



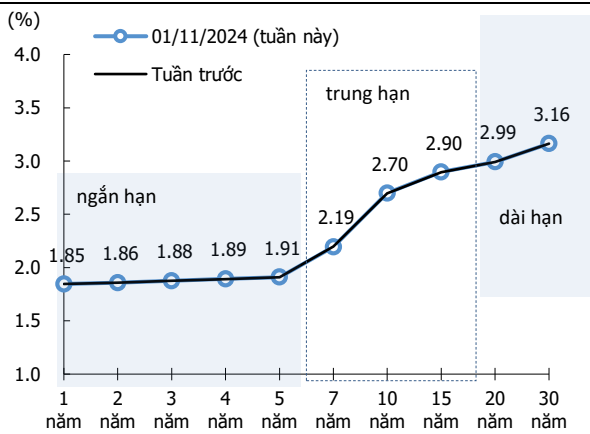
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



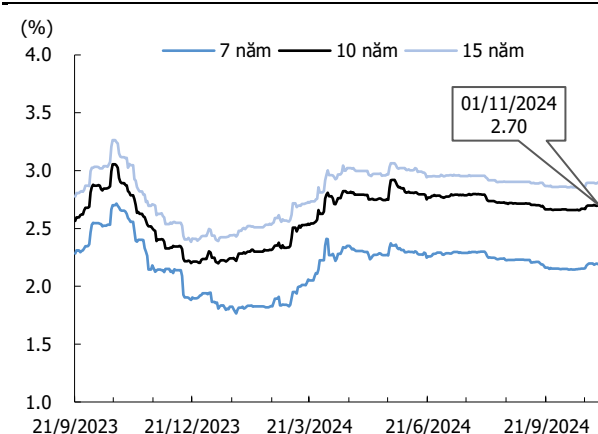
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

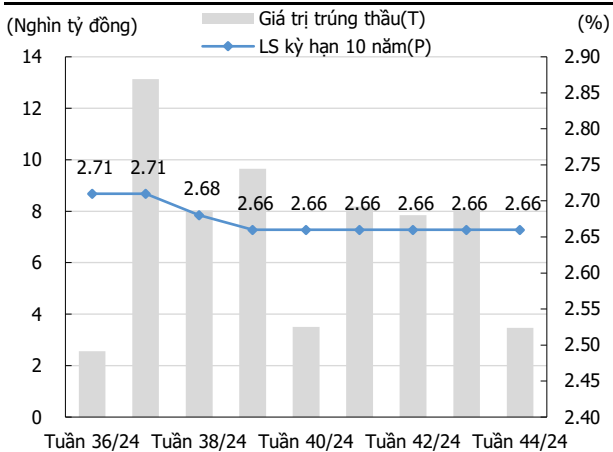
Hình 16: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

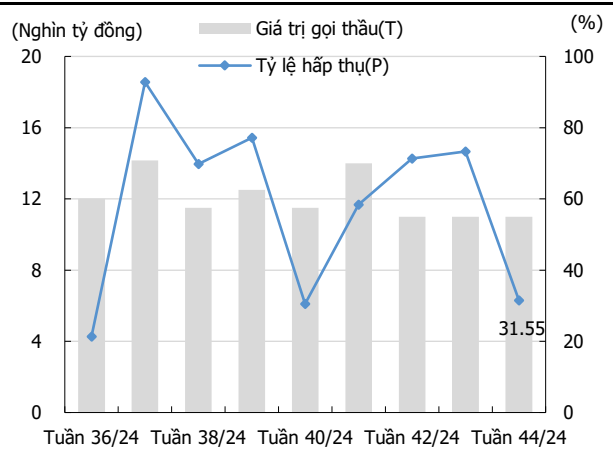
Trên thị trường sơ cấp, trong tuần cho thấy nhu cầu thay đổi đáng kể so với tuần trước, với lãi suất trúng thầu không đổi và giá trị trúng thầu giảm mạnh. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 3.47 nghìn tỷ đồng trong tuần với lãi suất trúng thầu không đổi. Cho đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 302.75 nghìn tỷ đồng, đạt 75.69% mục tiêu trong năm. Tiến độ năm nay cũng tăng nhanh hơn đáng kể so với năm trước, khi tốc độ hoàn thành nhanh hơn 6.27% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần



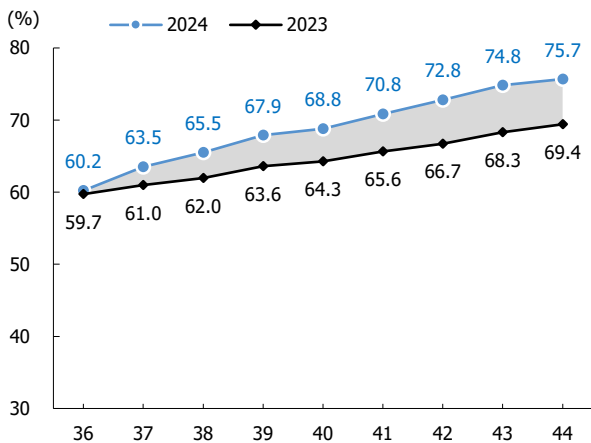
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần



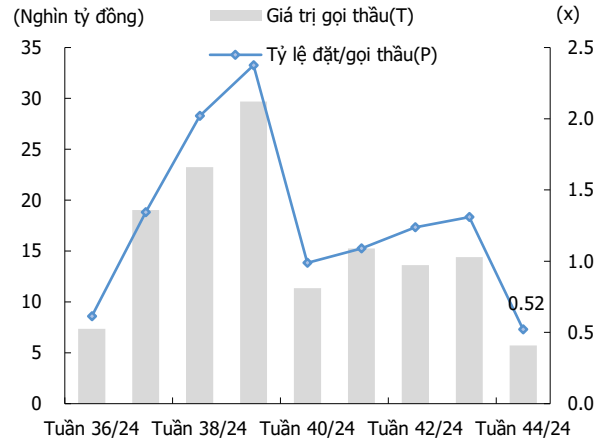
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



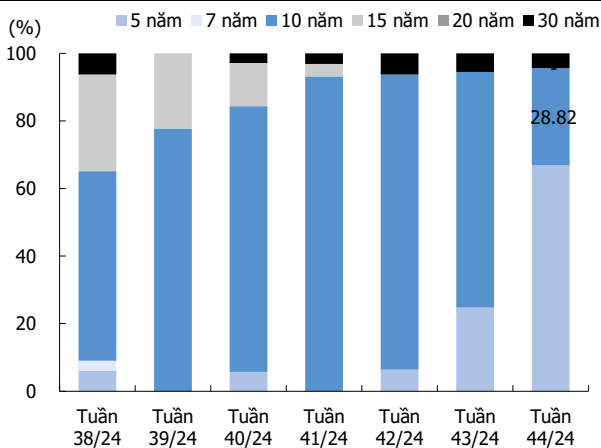
Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



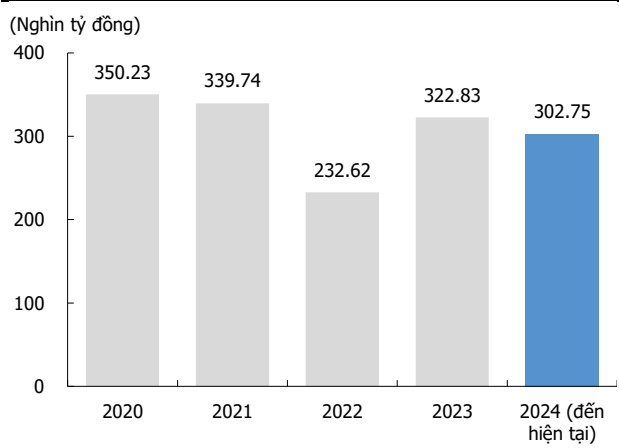
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. USDVND hạ nhiệt

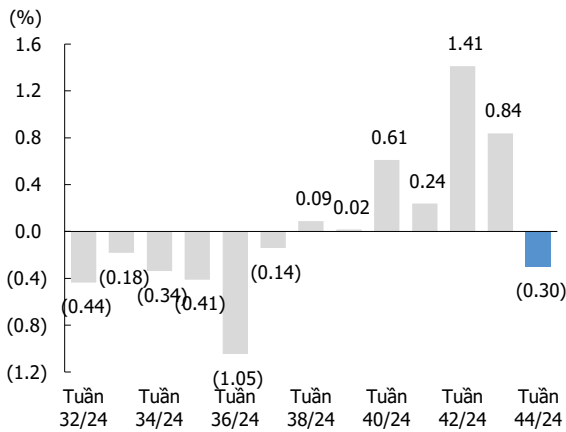
Đà tăng của DXY chậm lại

Trong tuần, USDVND đã giảm sau sáu tuần tăng liên tiếp, chủ yếu đến từ đà tăng của chỉ số DXY đang chậm lại. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.30% hay 76đcb so với tuần trước, đạt 25,300 vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, DXY tăng nhẹ 0.02% lên mức 104.3 vào cuối tuần, khi các tin tức trong tuần không đủ mạnh để hỗ trợ tâm lý lạc quan về kinh tế Mỹ, điều đã thúc đẩy giá trị của đồng bạc xanh trong thời gian gần đây. Thay vào đó, tâm lý thận trọng đã xuất hiện, khi những sự kiện quan trọng trong tuần tới, bao gồm quyết định lãi suất của Fed và căng thẳng giữa Donald Trump và Kamala Harris trong cuộc bầu cử cho tân Tổng thống Hoa Kỳ được dự báo sẽ có tác động đáng kể đến thị trường toàn cầu.

Đối với thị trường nội địa, khối ngoại đã gia tăng mức bán ròng trên sàn HOSE, đạt tổng cộng 7.66 nghìn tỷ đồng, tương đương 10,2% giá trị giao dịch trong tuần với tâm điểm là sự kiện thoái vốn của CBA tại ngân hàng VIB. Ngoài ra, một lượng lớn trái phiếu chính phủ sẽ đáo hạn vào tháng 11 (dự kiến rơi vào khoảng 2 tỷ USD theo Bloomberg). Do đó, chúng tôi dự đoán rằng tỷ giá USDVND có thể chịu áp lực tăng trong những tuần tới khi KBNN có thể tiếp tục mua USD từ các đối tác để đáp ứng nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, tác động có thể sẽ không lớn, do thời điểm hiện tại KBNN đã kêu chào mua tổng cộng 1.83 tỷ USD để đáp ứng nghĩa vụ này.

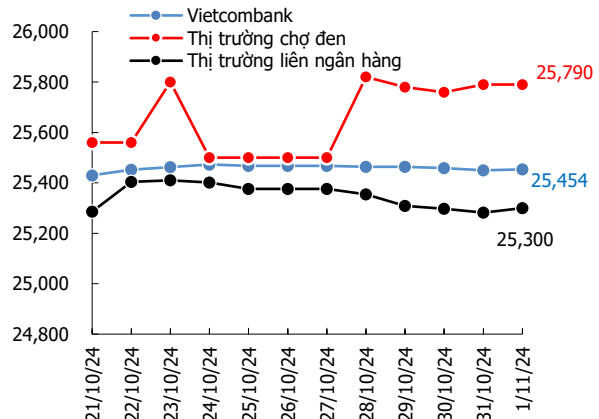
Trên thị trường ngoại hối, giá chào bán tại Vietcombank giảm nhẹ 0.05% hay 13 điểm phần trăm, trong khi giá chào bán trên thị trường chợ đen tăng mạnh với mức tăng 1.14% hay 290 điểm phần trăm so với tuần trước. Vào thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường chợ đen lần lượt được ghi nhận ở mức 25,454 và 25,790 cho một USD.

Hình 23: Diễn biến của USDVND theo tuần



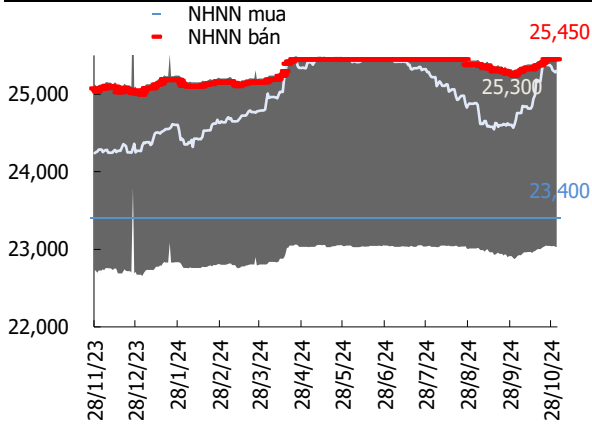
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



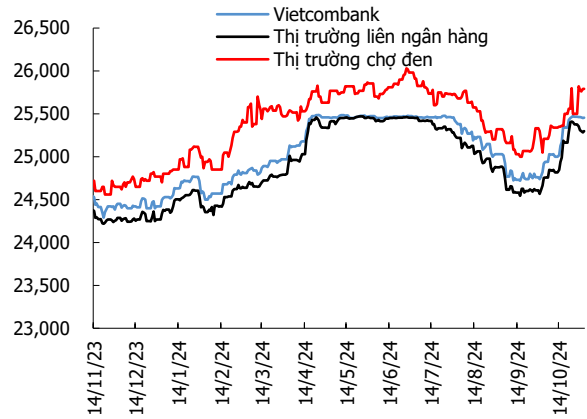
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 25: Diễn biến giao dịch của NHNN



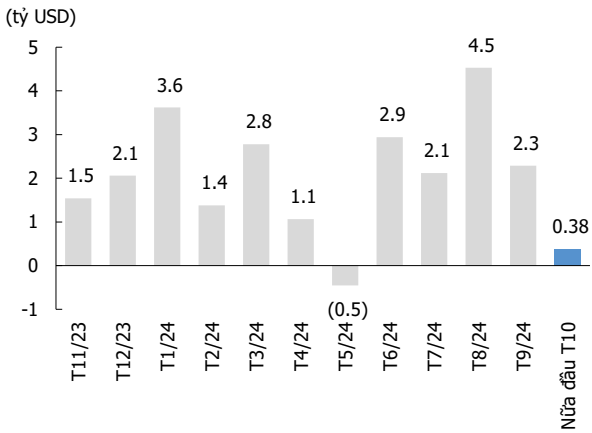
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 26: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



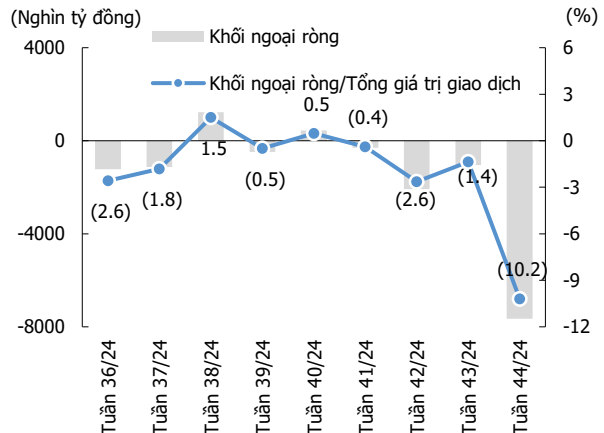
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 27: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



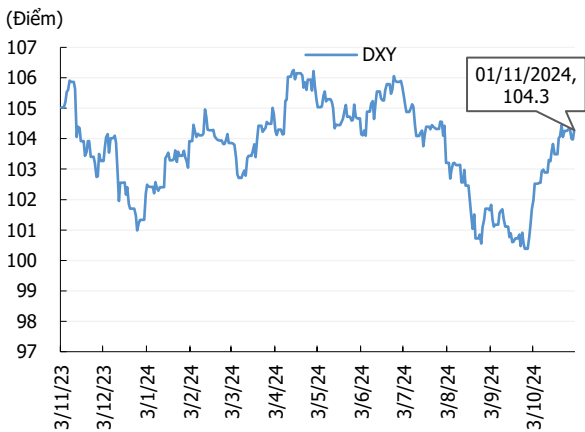
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 15 tháng 10, 2024

Hình 28: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 29: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 30: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

Tỷ giá	Cơ chế	41W24	42W24	43W24	2024YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	0.59	0.74	0.02	2.91
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.50	0.27	0.11	0.41
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	-0.64	-0.65	0.35	-1.86
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	0.27	1.86	0.46	8.49
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	1.32	1.56	-0.83	7.02
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	0.41	0.85	0.36	0.44
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	-0.54	1.88	0.34	-0.69
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	1.41	0.84	-0.30	4.26

Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá tăng nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	2020	2021	2022	2023
Tăng GDP thực (%)						6.72	5.66	6.93	7.40	2.91	2.58	8.02	5.05
FDI đăng ký (USD bn)	1.80	4.13	2.82	2.53	4.26	16.40	6.18	9.01	9.59	28.53	31.15	27.72	36.61
GDP bình quân (USD)										3,521	3,725	4,110	4,285
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.28	2.24	2.29	2.24	2.48	3.22	2.32	2.26
Xuất khẩu (tỷ USD)	32.81	33.09	35.92	37.59	34.05	96.53	93.06	92.9	108.6	282.7	335.7	371.85	355.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	33.81	30.15	33.80	33.06	31.76	90.17	84.98	85.1	99.7	263	331.1	360.65	327.5
Tăng trưởng XK (%)	15.84	10.52	19.11	14.54	10.70	8.80	16.98	12.46	15.82	7.02	18.74	10.61	-4.4
Tăng trưởng NK (%)	29.90	13.12	24.73	12.38	11.06	8.01	13.88	19.81	17.19	3.81	25.9	8.35	-8.9
Lạm phát (%)	4.44	4.34	4.36	3.45	2.63	3.54	3.77	4.39	3.48	3.24	1.84	3.15	3.25
USD/VND	25,458	25,458	25,320	24,860	24,093	24,260	24,786	25,458	24,093	23,126	22,790	23,650	23,784
Tăng trưởng tín dụng (%)	14.0	15.2	15.1	14.6	14.6	10.82	11.6	13.5	15.3	12.17	12.97	12.87	11.09
TPCP 10 năm (%)	2.86	2.81	2.79	2.83	2.66	2.23	2.59	2.81	2.66	2.01	2.11	5.08	2.39

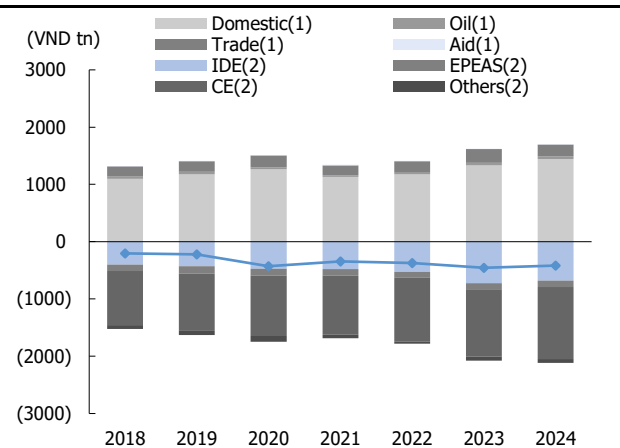
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

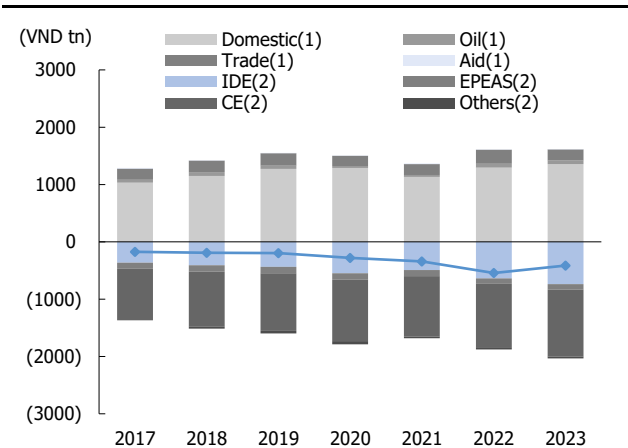
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.66%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 31.55%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.52%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~104.3
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.60%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Hình 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	1Q24	2Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	5.2	4.5
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	92.9	97.9
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	81.0	89.3
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	11.9	8.5
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.7	5.5
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.0	8.3
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	9.0	5.4
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	4.3	3.8
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.0	1.1
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	1.4	(6.3)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.1)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	3.6	5.0
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(0.5)	(1.6)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	0.2	(5.2)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(1.8)	(4.4)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(8.0)	(4.3)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	1.4	6.1

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.